

Số: *6999/QĐ-UBND*

*Gia Lâm, ngày 18 tháng 12 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội  
và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của huyện Gia Lâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016, Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và định hướng mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực tăng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/7/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Gia Lâm: số 15/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 huyện Gia Lâm; số 16/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách nhà nước huyện Gia Lâm năm 2020; số 17/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công, công tác giải phóng mặt bằng huyện Gia Lâm năm 2020; số 03/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 huyện Gia Lâm;



Xét đề nghị của Trường các phòng: Tài chính - Kế hoạch và Nội vụ huyện Gia Lâm tại Tờ trình Liên ngành số 04/TTrLN:TCKH-NV ngày 17/12/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2020 cho các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể, UBND xã, thị trấn và các đơn vị thuộc Huyện. (*Chi tiết có phụ biểu kèm theo*)

**Điều 2.** Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của Huyện, các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội, chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp và dự toán ngân sách nhà nước được giao; Trường các phòng, Thủ trưởng các ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo các yêu cầu nhiệm vụ cụ thể như sau:

### **1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội**

**1.1.** UBND các xã, thị trấn căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu Huyện giao và Nghị quyết HĐND cùng cấp triển khai giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo giao đúng, giao đủ và không thấp hơn các chỉ tiêu Huyện giao theo hướng dẫn của UBND thành phố tại Công văn số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc chỉ đạo nội dung, quy trình xây dựng và giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**1.2.** Các phòng, ban, ngành căn cứ các chỉ tiêu tổng hợp của Huyện giao theo lĩnh vực quản lý, có trách nhiệm đề xuất, triển khai xây dựng các giải pháp điều hành, thực hiện kế hoạch; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo kết quả hàng quý và cả năm gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để tổng hợp, báo cáo UBND Huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

**1.3.** Căn cứ chỉ đạo của Thành phố, Nghị quyết của HĐND Huyện, Văn phòng HĐND-UBND Huyện chủ trì, tham mưu UBND Huyện ban hành chương trình công tác của UBND Huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, tham mưu UBND Huyện ban hành kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ Kế hoạch năm 2020 và phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2016-2020.

### **2. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước**

Các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Huyện, UBND xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện các nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành ngân sách nhà nước.

#### **2.1. Thu ngân sách nhà nước**

- Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế sửa đổi, bổ sung; tăng

cường công tác kiểm tra thuế, hoàn thuế theo quy định và quản lý đơn độc công tác thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của Luật Quản lý thuế; tập trung thu hồi các khoản nợ ngân sách (nhất là các khoản nợ có khả năng thu) để giảm mạnh số nợ thuế, phí; đảm bảo nợ thuế dưới 5% tổng thu ngân sách. Kiên quyết xử lý theo quy định đối với những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chây ì nộp thuế, phí, nghĩa vụ tài chính đất đai.

- Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở, đấu giá quyền thuê đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn thu cho đầu tư phát triển. Xử lý dứt điểm các nội dung tồn đọng về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và đấu giá quyền sử dụng đất.

- Các xã, thị trấn giao dự toán thu ngân sách nhà nước đảm bảo không thấp hơn dự toán pháp lệnh Huyện giao, đối với các khoản thu giao cao hơn dự toán Huyện giao thì phải đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, nhất là khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, thu khác từ đất, kế hoạch vốn đã giao đầu năm cho các dự án.

## **2.2. Chi ngân sách nhà nước**

Các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể thuộc Huyện triển khai dự toán chi ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán Huyện giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực; đảm bảo chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Nhà nước ban hành, nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và những nhiệm vụ đã được Huyện quyết định; đối với dự toán giao chi sự nghiệp, kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh phí thực hiện các đề án,... triển khai thực hiện theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

UBND xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước theo quy định, tổ chức giao ngay dự toán chi ngân sách nhà nước cho các ngành, đoàn thể trực thuộc, đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; bố trí dự phòng ngân sách không thấp hơn dự toán Huyện giao. Phân bổ dự toán chi ngân sách đảm bảo nguyên tắc chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng chi chuyển nguồn lớn. Tổ chức chi ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển (nguồn vốn huy động đóng góp theo quy định và đền bù, thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất).

**2.2.1. Đối với chi đầu tư phát triển:** Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, Kế hoạch đầu tư công năm 2020 đã được HĐND Huyện thông qua.

- Dự án chuẩn bị đầu tư: Bố trí kế hoạch vốn đảm bảo điều kiện theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.

- Dự án thực hiện: Các chủ đầu tư, các đơn vị được giao kế hoạch thực hiện theo danh mục dự án và mức vốn được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định



của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; bố trí đủ vốn cho các dự án thanh toán, dự án quyết toán trong năm 2020, dự án đã có khối lượng thi công hoàn thành vượt kế hoạch năm 2019, dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2020, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020, dự án mới thực sự cấp bách đảm bảo đủ thủ tục theo quy định; cân đối bố trí đủ vốn thực hiện các dự án theo phân cấp đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch HĐND Huyện quyết nghị.

- Các chủ đầu tư nghiêm túc chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, quản lý nhà nước về đầu tư công theo quy định của pháp luật Đầu tư công, Đấu thầu, Xây dựng, Đất đai, Môi trường và pháp luật có liên quan. Thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư; chấp hành chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu, tuân thủ quy định của Nhà nước và thành phố về lộ trình đấu thầu qua mạng; lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đảm bảo cạnh tranh, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 20/6/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Đối với các dự án đầu tư đường giao thông ngõ, xóm, hạ tầng nghĩa trang nhân dân, vườn hoa, ao hồ, sân chơi và các công trình khác trong khu dân cư trên địa bàn huyện Gia Lâm thực hiện theo cơ chế hỗ trợ tại các quyết định: số 15/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017, số 01/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện Gia Lâm; UBND các xã, thị trấn thực hiện theo đúng quy định và chỉ đạo của UBND Huyện tại các Công văn: số 2008/UBND-TCKH và số 2011/UBND-TCKH ngày 19/8/2019.

- Thực hiện nghiêm các biện pháp tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng XDCCB mới. Chỉ phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, khi phê duyệt dự án mới hoặc điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư dự án, phải thực hiện việc thẩm định nguồn và khả năng bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao, không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí; không tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn.

- Kho bạc Nhà nước Gia Lâm chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn xây dựng cơ bản, vốn chuẩn bị đầu tư, không để tình trạng tạm ứng kéo dài do chưa có khối lượng thực hiện; tạm ứng để bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng không chi trả, tránh tình trạng các dự án và số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau, đồng thời có

trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng theo quy định.

- Việc nộp hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành theo đúng thời gian quy định, nhóm C không quá 3 tháng, nhóm B không quá 6 tháng và nhóm A không quá 9 tháng. Thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về nguồn thu nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

- Chủ đầu tư, UBND xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư, việc giải quyết thủ tục đầu tư và những nội dung liên quan về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm để tổng hợp, báo cáo UBND Huyện.

### 2.2.2. Đối với chi thường xuyên

- Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn, bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo các chính sách, chế độ đã ban hành, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội và tiền lương; đảm bảo hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp theo quy định; công tác tổ chức Đại hội Đảng các cấp, triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Rà soát kỹ các nhiệm vụ chi ngoài định mức khoán chi, không bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chưa thực sự cấp bách. Giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, hoàn thành lộ trình nâng mức tự chủ tài chính, giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Chủ động rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại bộ máy các đơn vị sự nghiệp, đảm bảo bộ máy tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu quả.

- Đối với các dịch vụ công ích (vệ sinh môi trường, cấp thoát nước, cây xanh, chiếu sáng,...), bố trí ngân sách theo quy trình, định mức, đơn giá đã được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định về phân cấp quản lý và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

- Việc mua sắm tài sản phải đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

### **2.3. Về điều hành quỹ ngân sách**

Thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi theo tiến độ thu, khi nguồn thu chưa kịp thời, thực hiện chi theo nguyên tắc ưu tiên đảm bảo nguồn chi lương, phụ cấp, các chế độ an sinh, xã hội và đảm bảo hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị.

### **2.4. Tiếp tục bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 và tích lũy cho giai đoạn 2021-2025 theo quy định**

- Sử dụng 50% tăng thu dự toán năm 2020 và 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương năm 2019 (không kể thu tiền sử dụng đất).

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

- Sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu được để lại), sử dụng 50% phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập của ngân sách địa phương năm 2020.

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng chuyển sang (nếu có).

Đối với nguồn tăng thu ngân sách xã, thị trấn, loại trừ thêm khoản thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã (*Năm 2019 chỉ tính phần tăng thu thực hiện so với dự toán*).

### **3. Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp**

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 khoá XII, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, gắn liền với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bố trí, sử dụng nhân sự gắn với công tác cải cách hành chính và ứng dụng khoa học công nghệ theo tinh thần 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả công việc). Triển khai tốt công tác đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ công mức độ 3, 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

- Chủ động rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn quản lý, từng bước theo hướng quản lý đô thị. Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức, nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá định lượng trên cơ sở vị trí việc làm gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị

Huyện quản lý. Duy trì nghiêm chế độ tự kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị.

#### 4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn quán triệt thực hiện năm “*Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp*” và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đã được HĐND Huyện khoá XIX thông qua tại kỳ họp thứ 11 và UBND Huyện giao, cụ thể hoá thành kế hoạch nhiệm vụ, chương trình công tác của từng đơn vị, gửi về Văn phòng HĐND-UBND Huyện trước ngày 05/01/2020 để tổng hợp, xây dựng chương trình công tác năm 2020 của Huyện trình UBND Huyện ban hành trước ngày 10/01/2020.

4.2. UBND xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách theo quy định; tổ chức giao ngay kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách cho các ban, ngành, đoàn thể theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước và hoàn thành trước ngày 31/12/2019.

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành tổ chức kiểm tra công tác giao kế hoạch năm 2020 của các xã, thị trấn báo cáo UBND Huyện trong Quý I năm 2020.

4.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Gia Lâm căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định; báo cáo UBND Huyện có biện pháp cụ thể đối với các đơn vị không thực hiện đúng nguyên tắc HĐND, UBND Huyện đã thông qua và quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND Huyện, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các ban, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT HĐND-UBND Thành phố;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở: KH&ĐT, Tài chính, Nội vụ;
- Cục thuế Hà Nội;
- TTHU, TT HĐND-UBND Huyện;
- Các ban của HĐND Huyện;
- Lưu: VT.



**Lê Anh Quân**



Phụ lục số 01KH

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
HUYỆN GIA LÂM NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)

TT	Tên chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ghi chú
<b>A</b>	<b>NHÓM CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH</b>			
<b>I</b>	<b>NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP</b>			
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2 956,3	
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2 027,0</i>	
2	Chi ngân sách nhà nước địa phương	Tỷ đồng	3 226,1	
<b>II</b>	<b>NHÓM CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>			
1	Giảm tỷ suất sinh thô so với năm trước	‰	0,11	
2	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%	0,03	
3	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng so với năm trước	%	0,1	
4	Duy trì tỷ lệ xã/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	
5	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	90,1	
6	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp	%	95,0	
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc</i>	%	<i>95,0</i>	
	<i>Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp</i>	%	<i>95,0</i>	
7	Tốc độ tăng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện	%	30,0	
8	Số hộ thoát nghèo trong năm	hộ		Năm 2020 không còn hộ nghèo
9	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	90,0	
10	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận danh hiệu "Làng văn hóa"	%	97,0	
11	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	92,0	
12	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	03	

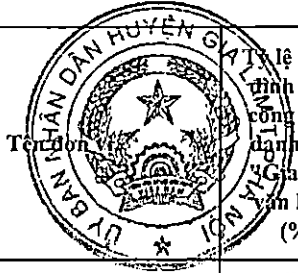




TT	Tên chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ghi chú
<b>III NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, MÔI TRƯỜNG</b>				
1	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%	100	
2	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày	%	100	
<b>IV CHỈ TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN</b>				
1	Biên chế công chức, viên chức và lao động hợp đồng	Người	4 175	
	<i>Trong đó: - Cán bộ, công chức</i>	<i>Người</i>	<i>184</i>	
	<i>- Viên chức</i>	<i>Người</i>	<i>3 368</i>	
	<i>- Lao động hợp đồng</i>	<i>Người</i>	<i>623</i>	
<b>B NHÓM CHỈ TIÊU GIAO THÊM</b>				
1	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lần đầu)	Giấy	300	
2	Chuyển đổi từ đất trồng lúa, màu sang trồng cây ăn quả, hoa cây cảnh	Ha	230,0	
3	Thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường	Tỷ đồng	13,7	
4	Tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép xây dựng (hoặc được miễn giấy phép xây dựng)	%	99,0	


**BIỂU CHỈ TIÊU TỔNG HỢP GIAO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI HUYỆN GIA LÂM NĂM 2020**
*(Kèm theo Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)*

TT	Tên đơn vị	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (triệu đồng)	Chi ngân sách nhà nước địa phương (triệu đồng)	Giảm tỷ suất sinh thô so với năm trước (%)	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước (%)	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng so với năm trước (%)	Duy trì tỷ lệ xã/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (%)	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp (%)	Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc (%)	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp (%)	Tốc độ tăng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện (%)	Số hộ thoát nghèo trong năm (Hộ)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)			(9)	(10)
1	UBND TT Yên Viên	8 256	8 010	0,01	0,01	0,1	Đạt	Giao Phòng Y tế huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao Bảo hiểm xã hội huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao Bảo hiểm xã hội huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao Bảo hiểm xã hội huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao Bảo hiểm xã hội huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Năm 2020 không còn hộ nghèo
2	UBND xã Ninh Hiệp	45 892	14 500	0,15	0,10	0,2	Đạt						
3	UBND xã Trung Mậu	953	6 131	0,15	0,30	0,1	Đạt						
4	UBND xã Phù Đổng	3 069	8 587	0,05	0,03	0,2	Đạt						
5	UBND xã Đình Xuyên	5 030	8 148	0,05	0,15	0,3	Đạt						
6	UBND xã Dương Hà	1 539	6 046	0,03	0,01	0,1	Đạt						
7	UBND xã Yên Thường	5 290	9 073	0,05	0,01	0,1	Đạt						
8	UBND xã Yên Viên	4 045	8 176	0,03	0,02	0,1	Đạt						
9	UBND xã Cổ Bi	4 631	8 879	0,10	0,01	0,1	Đạt						
10	UBND TT Trâu Quỳ	20 060	12 509	0,01	0,01	0,1	Đạt						
11	UBND xã Đông Dư	3 616	6 857	0,15	0,20	0,1	Đạt						
12	UBND xã Đa Tốn	8 481	10 482	0,05	0,15	0,1	Đạt						
13	UBND xã Bát Tràng	8 248	6 825	0,02	0,20	0,1	Đạt						
14	UBND xã Kiều Kỵ	7 267	10 450	0,05	0,02	0,1	Đạt						
15	UBND xã Kim Lan	1 053	6 464	0,03	0,10	0,1	Đạt						
16	UBND xã Văn Đức	1 061	6 498	0,02	0,30	0,1	Đạt						
17	UBND xã Dương Xá	5 663	8 981	0,02	0,01	0,1	Đạt						
18	UBND xã Đặng Xá	6 890	10 367	0,10	0,05	0,2	Đạt						
19	UBND xã Phú Thị	4 491	7 397	0,20	0,01	0,1	Đạt						
20	UBND xã Lệ Chi	1 999	7 878	0,05	0,03	0,1	Đạt						
21	UBND xã Kim Sơn	3 805	8 114	0,10	0,03	0,1	Đạt						
22	UBND xã Dương Quang	2 649	8 159	0,15	0,05	0,3	Đạt						
<b>Huyện giao</b>		<b>153 988</b>	<b>188 531</b>	<b>0,11</b>	<b>0,03</b>	<b>0,1</b>	<b>22</b>	<b>90,1</b>	<b>95,0</b>	<b>95,0</b>	<b>95,0</b>	<b>30,0</b>	
<b>Thành phố giao</b>				<b>0,10</b>	<b>0,03</b>	<b>0,1</b>	<b>22</b>	<b>90,1</b>	<b>95,0</b>	<b>95,0</b>	<b>95,0</b>	<b>30,0</b>	<b>62</b>



TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá" (%)	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận danh hiệu "Làng văn hoá" (%)	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Tổ dân phố văn hoá" (%)	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm (Trường)	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch (%)	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày (%)	Tổng biên chế hành chính nhà nước (Người)	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lần đầu) (Giấy)	Chuyển đổi từ đất trồng lúa, màu sang trồng cây ăn quả, hoa cây cảnh (Ha)	Thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường (Tỷ đồng)	Tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép xây dựng (hoặc được miễn giấy phép xây dựng) (%)
A	B	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	UBND TT Yên Viên	91		100	Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao Phòng Quản lý đô thị huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	Giao BQLDA ĐTXD huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện	21	5		Giao Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện (UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Công ty để tổ chức thực hiện)	100
2	UBND xã Ninh Hiệp	90	100					23	35			99
3	UBND xã Trung Mậu	90	100					21	10	8,0		99
4	UBND xã Phù Đổng	90	100					23	20	45,0		99
5	UBND xã Đình Xuyên	90	88,9	100				21	10			99
6	UBND xã Dương Hà	90	100					21	10			99
7	UBND xã Yên Thường	90	88,9	100				23	15	44,0		99
8	UBND xã Yên Viên	90	100	100				23	20			99
9	UBND xã Cổ Bi	91	100	80,0				23	15	27,0		99
10	UBND TT Trâu Quỳ	90		92,0				23	35			100
11	UBND xã Đông Dư	90	100					21	5			99
12	UBND xã Đa Tốn	91	100					23	15	15,0		99
13	UBND xã Bát Tràng	90	90,9					21	5			99
14	UBND xã Kiều Ky	90	100	100				23	15			99
15	UBND xã Kim Lan	90	100					21	0			99
16	UBND xã Văn Đức	91	100					21	0			99
17	UBND xã Dương Xá	91	100	75,0				23	20			99
18	UBND xã Đặng Xá	90	90,0	83,3				23	15	17,0		99
19	UBND xã Phú Thị	90	100					21	5	6,0		99
20	UBND xã Lệ Chi	90	100	100				23	20	25,0		99
21	UBND xã Kim Sơn	91	100	100				23	15	8,0		99
22	UBND xã Dương Quang	90	100					23	10	35,0		99
<b>Huyện giao</b>		<b>90</b>	<b>97,0</b>	<b>92,0</b>	<b>03</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>488</b>	<b>300</b>	<b>230,0</b>	<b>13,7</b>	<b>99</b>
<b>Thành phố giao</b>		<b>88</b>	<b>62,0</b>	<b>72,0</b>	<b>03</b>	<b>100</b>	<b>100</b>					

**BIỂU CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2020**


Kế hoạch số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)


TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao kế hoạch năm 2020					Ghi chú
			Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo ND 68	LĐHĐ theo định mức	
	<b>TỔNG SỐ</b>	Người	<b>4 175</b>	<b>184</b>	<b>3 368</b>	<b>308</b>	<b>315</b>	
<b>A</b>	<b>Cơ quan, tổ chức hành chính</b>	Người	<b>207</b>	<b>184</b>	<b>0</b>	<b>23</b>		
1	Văn phòng HĐND và UBND	Người	45	24		21		
2	Phòng Nội vụ	Người	9	9				
3	Phòng Kinh tế	Người	9	9				
4	Phòng Quản lý đô thị	Người	11	11				
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người	10	10				
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người	13	13				
7	Phòng Tư pháp	Người	6	6				
8	Thanh tra huyện	Người	9	9				
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Người	13	13				
10	Phòng Y tế	Người	5	5				
11	Phòng LĐTBXH	Người	9	9				
12	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người	7	7				
13	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	Người	61	59		2		
<b>B</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>	Người	<b>3 968</b>		<b>3 368</b>	<b>285</b>	<b>315</b>	
<b>I</b>	<b>Khối đơn vị sự nghiệp giáo dục</b>	Người	<b>3 870</b>		<b>3 277</b>	<b>280</b>	<b>313</b>	
1	Trung học cơ sở	Người	1 020		934	86		PL 03.3
2	Tiểu học	Người	1 181		1 083	98		PL 03.2
3	Mầm non công lập	Người	1 635		1 231	91	313	PL 03.1
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Người	34		29	5		
<b>II</b>	<b>Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc</b>	Người	<b>42</b>		<b>35</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	
1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	Người	36		31	5		
2	Hội chữ thập đỏ Huyện	Người	4		4			
3	Hội Luật gia	Người	1				1	
4	Hội Người mù	Người	1				1	
<b>III</b>	<b>Khối đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên</b>		<b>56</b>		<b>56</b>			
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Người	31		31			
2	Trung tâm phát triển quỹ đất	Người	25		25			



## BIỂU GIAO BIÊN CHẾ KHÔI MẦM NON NĂM 2020

(Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)

STT	Tên đơn vị	Hạng trường	Biên chế năm 2020					
			Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức		Lao động hợp đồng	
					Giáo viên	Nhân viên	LĐHĐ theo định mức	LĐHĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
1	Trường Mầm non Bát Tràng	I	57	3	37	3	11	3
2	Trường Mầm non Ánh Sao	I	50	3	32	2	10	3
3	Trường Mầm non Bình Minh	I	55	3	35	3	10	4
4	Trường Mầm non Cổ Bi	I	78	3	53	3	15	4
5	Trường Mầm non Dương Hà	I	48	3	31	3	8	3
6	Trường Mầm non Dương Quang	I	84	3	57	3	17	4
7	Trường Mầm non Dương Xá	I	69	3	47	2	14	3
8	Trường Mầm non Đa Tốn	I	91	3	65	3	17	3
9	Trường Mầm non Đặng Xá	I	64	3	44	3	11	3
10	Trường Mầm non Đình Xuyên	I	64	3	42	3	13	3
11	Trường Mầm non Đông Du	I	48	3	29	3	10	3
12	Trường Mầm non Hoa Hồng	I	58	3	38	3	11	3
13	Trường Mầm non Hoa Sữa	I	68	3	44	3	14	4

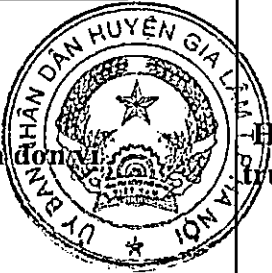
STT		Hạng trường	Biên chế năm 2020					
			Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức		Lao động hợp đồng	
					Giáo viên	Nhân viên	LĐHĐ theo định mức	LĐHĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
14	Trường Mầm non Kiều Ky	I	70	3	47	3	13	4
15	Trường Mầm non Kim Lan	I	40	3	23	3	8	3
16	Trường Mầm non Kim Sơn	I	76	3	52	3	15	3
17	Trường Mầm non Lệ Chi	I	66	3	45	2	12	4
18	Trường Mầm non Ninh Hiệp	I	65	3	43	3	12	4
19	Trường Mầm non Phù Đổng	I	79	3	54	2	16	4
20	Trường Mầm non Phú Thị	I	63	3	42	3	12	3
21	Trường Mầm non Quang Trung	I	40	3	24	2	8	3
22	Trường Mầm non TT Trâu Quỳ	I	62	3	41	2	13	3
23	Trường Mầm non TT Yên Viên	I	72	3	50	2	14	3
24	Trường Mầm non Trung Mậu	I	35	3	20	2	6	4
25	Trường Mầm non Văn Đức	I	53	3	33	3	10	4
26	Trường Mầm non Yên Thường	I	58	3	38	3	10	4
27	Trường Mầm non Hoa Phượng	II	22	2	13	2	3	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1 635</b>	<b>80</b>	<b>1 079</b>	<b>72</b>	<b>313</b>	<b>91</b>



**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ KHỐI TIỂU HỌC NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)*

STT	Tên đơn vị	Hạng trường	Biên chế giao năm 2020											LĐHĐ Theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP		
			Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức										Nhân viên	
					Giáo viên											
					Tổng số	Văn hóa	Nhạc	Mỹ thuật	Tin	Ngoại ngữ	Thể dục	Giáo viên đoàn đội				
1	Trường Tiểu học Cao Bá Quát	I	68	3	56	43	3	2	2	2	3	1	5	4		
2	Trường Tiểu học Dương Quang	I	56	3	44	34	2	2	1	2	2	1	5	4		
3	Trường Tiểu học Dương Xá	I	58	3	46	35	2	2	1	2	3	1	5	4		
4	Trường Tiểu học Đa Tốn	I	56	3	44	34	2	1	1	2	3	1	5	4		
5	Trường Tiểu học TT Yên Viên	I	59	3	47	35	2	2	2	2	3	1	5	4		
6	Trường Tiểu học Phù Đổng	I	53	3	41	32	2	1	1	2	2	1	5	4		
7	Trường Tiểu học Kiều Kỵ	I	53	3	41	32	2	1	1	2	2	1	5	4		
8	Trường Tiểu học Kim Sơn	I	51	3	40	31	1	2	1	2	2	1	5	3		
9	Trường Tiểu học Bát Tràng	II	40	2	32	24	1	2	1	1	2	1	3	3		
10	Trường Tiểu học Cổ Bi	II	35	2	27	20	1	1	1	2	2		3	3		
11	Trường Tiểu học Đặng Xá	II	43	2	35	26	2	2	1	2	2		3	3		
12	Trường Tiểu học Lệ Chi	II	44	2	35	26	2	1	1	2	2	1	3	4		
13	Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân	II	38	2	30	23	1	1	1	1	2	1	3	3		

STT	 Tên đơn vị	Hạng trường	Biên chế giao năm 2020											LDHD Theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP		
			Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức										Nhân viên	
					Giáo viên											
					Tổng số	Văn hóa	Nhạc	Mỹ thuật	Tin	Ngoại ngữ	Thể dục	Giáo viên đoàn đội				
14	Trường Tiểu học Ninh Hiệp	II	44	2	35	27	1	1	1	2	2	1	3	4		
15	Trường Tiểu học Nông Nghiệp	II	35	2	26	20	1	1	1	1	1	1	3	4		
16	Trường Tiểu học Phú Thị	II	39	2	30	23	1	1	1	2	2		3	4		
17	Trường Tiểu học Đình Xuyên	II	39	2	30	23	1	1	1	2	2		3	4		
18	Trường Tiểu học Tiên Phong	II	45	2	37	28	2	1	1	2	2	1	3	3		
19	Trường Tiểu học TT Trâu Quỳ	II	40	2	31	24	1	1	1	2	2		3	4		
20	Trường Tiểu học Trung Thành	II	35	2	27	20	1	1	1	2	2		3	3		
21	Trường Tiểu học Yên Thường	II	45	3	36	27	1	2	2	2	2		3	3		
22	Trường Tiểu học Đông Dư	III	30	2	22	17	1	1	1	1	1		3	3		
23	Trường Tiểu học Kim Lan	III	29	2	21	15	1	1	1	1	2		3	3		
24	Trường Tiểu học Dương Hà	III	28	2	20	15	1	1	1	1	1		3	3		
25	Trường Tiểu học Trung Màu	III	27	2	19	14	1	1	1	1	1		3	3		
26	Trường Tiểu học Văn Đức	III	31	2	22	17	1	1	1	1	1		3	4		
27	Trường Tiểu học Yên Viên	III	31	2	23	18	1	1	1	1	1		3	3		
28	Trường Tiểu học Yên Thường 2	III	29	2	21	16	1	1	1	1	1		3	3		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1 181</b>	<b>65</b>	<b>918</b>	<b>699</b>	<b>39</b>	<b>36</b>	<b>31</b>	<b>46</b>	<b>53</b>	<b>14</b>	<b>100</b>	<b>98</b>		





**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ KHỐI THCS NĂM 2020**

*Kèm theo Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Gia Lâm)*

TT	Tên đơn vị	Biên chế năm 2020																							
		Hạng trưởng	Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức																			LĐHD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	
					Giáo viên																				Nhân viên
					Tổng số	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	KTCN	KTNN	Địa lý	Ngữ văn	Lịch sử	GDCD	Ngoại ngữ	Thể dục	Âm nhạc	Tin học	Mỹ thuật	Giáo viên đoàn đội				
1	Trường THCS TT Yên Viên	I	64	3	52	9	2	2	3	2	1	3	9	3	2	6	4	2	1	2	1	5	4		
2	Trường THCS Ninh Hiệp	I	64	3	53	9	3	2	4	2	1	2	9	3	2	5	4	2	2	2	1	5	3		
3	Trường THCS Kim Sơn	II	48	2	38	6	3	2	2	1	1	2	7	2	1	4	3	1	1	1	1	5	3		
4	Trường THCS Lệ Chi	II	44	2	33	5	2	2	2	1	1	2	6	2	1	3	2	1	1	1	1	5	4		
5	Trường THCS Phù Đổng	II	48	2	37	6	2	1	3	1	1	2	6	2	1	5	3	1	1	1	1	5	4		
6	Trường THCS Phú Thị	II	44	2	33	5	2	2	2	1	1	2	6	2	1	3	2	1	1	1	1	5	4		
7	Trường THCS Cao Bá Quát	II	52	2	41	7	2	2	3	1	1	2	7	2	2	4	3	2	1	1	1	5	4		
8	Trường THCS Cổ Bi	II	43	2	33	5	2	2	2	1	1	2	6	2	2	3	2	1	1	1		5	3		
9	Trường THCS Dương Xá	II	52	2	42	7	2	2	3	1	1	3	7	3	2	4	3	1	1	1	1	5	3		
10	Trường THCS Dương Quang	II	43	2	33	5	2	2	2	1	1	2	6	2	1	4	2	1	1	1		5	3		
11	Trường THCS Đa Tốn	II	51	2	41	7	2	2	3	1	1	2	7	2	2	4	3	2	1	1	1	5	3		
12	Trường THCS Kiều Ky	II	48	2	37	7	2	2	3	1	1	2	6	2	1	3	3	1	1	1	1	5	4		
13	Trường THCS TT Trâu Quỳ	II	60	2	49	8	2	2	4	1	1	3	8	3	3	4	4	2	2	1	1	5	4		



Biên chế năm 2020

TT	Tên đơn vị	Hạng trường	Tổng cộng	Ban giám hiệu	Viên chức																		LDHD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	
					Giáo viên																	Nhân viên		
					Tổng số	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	KTCN	KTNN	Địa lý	Ngữ văn	Lịch sử	GDCD	Ngoại ngữ	Thể dục	Âm nhạc	Tin học	Mỹ thuật	Giáo viên đoàn đội			
14	Trường THCS Yên Thường	II	60	2	49	8	3	2	4	2	1	3	8	3	2	5	4	1	1	1	1	5	4	
15	Trường THCS Dương Hà	III	33	2	22	3	1	1	2	1		1	4	1	1	2	1	1	1	1	1	5	4	
16	Trường THCS Đặng Xá	III	38	2	27	4	1	1	2	1	1	2	5	1	1	3	2	1	1	1		5	4	
17	Trường THCS Đình Xuyên	III	35	2	24	4	1	1	2	1		1	4	1	1	2	2	1	1	1	1	5	4	
18	Trường THCS Đông Dư	III	30	2	19	3	1	1	1	1		1	3	1	1	2	1	1	1	1		5	4	
19	Trường THCS Kim Lan	III	30	2	19	3	1	1	1			1	3	1	1	2	1	1	1	1	1	5	4	
20	Trường THCS Bát Tràng	III	35	2	24	4	1	1	2	1		1	4	1	1	2	2	1	1	1	1	5	4	
21	Trường THCS Trung Mậu	III	27	2	16	2	1	1	1			1	2	1		2	1	1	1	1	1	5	4	
22	Trường THCS Văn Đức	III	36	2	25	4	1	1	2	1	1	1	4	1	1	2	2	1	1	1	1	5	4	
23	Trường THCS Yên Viên	III	35	2	24	4	1	1	2	1		2	4	1	1	2	2		1	1	1	5	4	
<b>TỔNG CỘNG</b>				1 020	48	771	125	40	36	55	24	16	43	131	42	31	76	56	27	25	25	19	115	86

Lưu ý: Đối với số môn không giao biên chế yêu cầu đơn vị bố trí giáo viên dạy kiêm nhiệm phù hợp với chuyên ngành giảng dạy